

Số: 05/2021/QĐST-DS

Ngã Năm, ngày 03 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 86/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Âu Văn S**, sinh năm 1930.

Địa chỉ: Khóm A, phường A, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị **Phạm Ngọc N**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông **Âu Hoàng V**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Khóm F, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Âu Thị Ánh T**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Khóm C, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà **Âu Thị N**, sinh năm 1971.

3. Bà **Âu Thị X**, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Khóm A, phường A, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện theo ủy quyền của bà Âu Thị Ánh T, bà Âu Thị N, bà Âu Thị X: Chị **Phạm Ngọc N**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

4. Anh **Lâm Văn D (D)**, sinh năm 2002.

5. Chị **Lâm Thùy N**, sinh năm 2003.

6. Em **Lâm Thị N**, sinh năm 2010.

Cùng địa chỉ: Khóm E, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

7. Anh **Trần Đại P**, sinh năm 1998.

* Người đại diện hợp pháp cho em Lâm Thị N: Anh **Trần Đại P**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Khóm B, phường A, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các đương sự thống nhất yêu cầu chia di sản thừa kế gồm các thửa đất 397 và thửa 400, thuộc tờ bản đồ số 01, tọa lạc khóm F, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Do Ủy ban nhân dân huyện T (nay thị xã N) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/7/1996 cấp cho hộ ông Âu Văn S đứng tên. Phần đất được chia có tứ cạnh và diện tích cụ thể như sau:

* Phần của ông S được nhận di sản thừa kế và tài sản chung của hộ là diện tích tại các thửa đất sau:

- Thửa đất số 400 (đánh số 1), tờ bản đồ số 01, diện tích: $80,3 \text{ m}^2$, mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm tọa lạc khóm F, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Tương đương 5.219.500 đồng ($80,3 \text{ m}^2 \times 65.000$ đồng). Tứ cạnh cụ thể:

+ Hướng Đông giáp phần đất ông Võ Minh T có số đo: 1.63m:

+ Hướng Tây giáp đường 30/4 có số đo: 2.0m

+ Hướng Nam giáp với phần đất ông Võ Minh T có số đo 44.32m:

+ Hướng Bắc giáp với phần còn lại của thửa 400 có số đo 44.3m:

- Thửa đất số 397, tờ bản đồ số 01, diện tích: $192,9 \text{ m}^2$, mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị, tọa lạc khóm F, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Tương đương 135.030.000 đồng ($192,9 \text{ m}^2 \times 700.000$ đồng). Tứ cạnh cụ thể:

+ Hướng Đông giáp đường 30/4 có số đo: 17.20m:

+ Hướng Tây giáp kênh xáng chìm có số đo: 18m.

+ Hướng Nam giáp với phần đất ông Võ Minh T có số đo 11.43m:

+ Hướng Bắc giáp với phần đất của bà Nguyễn Thị Tuyết P có số đo 10.52m:

* Ông Âu Hoàng V được nhận di sản thừa kế và tài sản chung của hộ là diện tích thửa số 400 (đánh số 3), tờ bản đồ số 01, diện tích: $132,5 \text{ m}^2$, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, tọa lạc khóm F, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng: Tương đương 8.612.500 đồng ($132,5 \text{ m}^2 \times 65.000$ đồng). Phần đất này của bà Âu Thị Ánh T được hưởng thừa kế, nhưng bà T đồng ý giao phần đất này lại cho ông Văn được hưởng. Tứ cạnh cụ thể:

+ Hướng Đông giáp phần đất ông Võ Minh T có số đo: 3.0m:

+ Hướng Tây giáp đường 30/4 có số đo: 3.0m

+ Hướng Nam giáp với phần còn lại của thửa 400 có số đo 44. 23m:

- + Hướng Bắc giáp với phần còn lại của thửa 400 có số đo 44.17m:
- Trên phần đất này gồm có 02 ngôi mộ là của bà Âu Thị H và Phan Thị M các đương sự thống nhất giao lại cho ông V quản lý.

* Ông Âu Hoàng V được nhận di sản thừa kế và tài sản chung của hộ là diện tích thửa đất số 400 (đánh số 5), tờ bản đồ số 01, diện tích: 132,2 m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, tọa lạc khóm F, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Tương đương 8.593.000 đồng (132,2m² x 65.000 đồng). Tứ cạnh cụ thể:

- + Hướng Đông giáp phần đất ông Võ Minh T có số đo: 3.0m:
- + Hướng Tây giáp đường 30/4 có số đo: 3.0m
- + Hướng Nam giáp với phần còn lại của thửa 400 có số đo 44. 11m:
- + Hướng Bắc giáp với phần còn lại của thửa 400 có số đo 44.05m:

* Bà Âu Thị N được nhận di sản thừa kế và tài sản chung của hộ là diện tích thửa đất số 400 (đánh số 4), tờ bản đồ số 01, diện tích: 132,4 m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc khóm F, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Tương đương 8.606.000 đồng (132,4m² x 65.000 đồng). Tứ cạnh cụ thể:

- + Hướng Đông giáp phần đất ông Võ Minh T có số đo: 3.0m:
- + Hướng Tây giáp đường 30/4 có số đo: 3.0m
- + Hướng Nam giáp với phần còn lại của thửa 400 có số đo 44. 17m:
- + Hướng Bắc giáp với phần còn lại của thửa 400 có số đo 44.11m:

* Bà Âu Thị X được nhận di sản thừa kế và tài sản chung của hộ là diện tích thửa đất số 400 (đánh số 6), tờ bản đồ số 01, diện tích: 132 m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khóm F, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Tương đương 8.580.000 đồng (132m² x 65.000 đồng). Tứ cạnh cụ thể:

- + Hướng Đông giáp phần đất ông Võ Minh T có số đo: 3.0m:
- + Hướng Tây giáp đường 30/4 có số đo: 3.0m
- + Hướng Nam giáp với phần còn lại của thửa 400 có số đo 44. 05m:
- + Hướng Bắc giáp với phần đất của bà Nguyễn Thị Tuyết P có số đo 43.99

m:

* Anh Trần Đại P, chị Lâm Thúy N, anh Lâm Văn D (D), và em Lâm Thị N đồng sở hữu và được nhận di sản thừa kế và tài sản chung của hộ là diện tích thửa đất số 400 (đánh số 2), tờ bản đồ số 01, diện tích : 132,7m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khóm F, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Tương đương 8.625.500 đồng (132,7m² x 65.000 đồng). Tứ cạnh cụ thể:

- + Hướng Đông giáp phần đất ông Võ Minh T có số đo: 3.0m:
- + Hướng Tây giáp đường 30/4 có số đo: 3.0m
- + Hướng Nam giáp với phần còn lại của thửa 400 có số đo 44.3m:
- + Hướng Bắc giáp với phần còn lại của thửa 400 có số đo 44.23m:

- Về chi phí thẩm định, định giá tài sản là: 1.150.000đ (Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) các đương sự thỏa thuận ông Âu Văn S đồng ý chịu, ông Suối đã nộp xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Nguyên đơn ông Âu Văn S được miễn không phải chịu án phí (người cao tuổi và có đơn xin miễn) theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Bị đơn ông Âu Hoàng V phải chịu án phí chia thừa kế là 430.138 đồng (bốn trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi tám đồng).

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Âu Thị X chịu án phí chia thừa kế là 214.500 đồng (hai trăm mười bốn nghìn năm trăm đồng)

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Âu Thị N chịu án phí chia thừa kế là 215.150 đồng (hai trăm mười lăm nghìn một trăm năm mươi đồng)

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Đại P, chị Lâm Thúy N, anh Lâm Văn D (D) cùng chịu án phí chia thừa kế là 215.638 đồng (hai trăm mười lăm nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng). Riêng em Lâm Thị N được miễn không chịu án phí (trẻ em) theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn